

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Văn bản số 14/CV ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Toyota Long Thành về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Trung tâm bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, công suất 15.000 ô tô/năm”; Văn bản số 02/CV-Toyota ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Toyota Long Thành về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Trung tâm bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, công suất 15.000 ô tô/năm” và các hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1477/TTr-TNMT ngày 22 tháng 7 năm 2022 và Báo cáo số 404/BC-TNMT ngày 25 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Toyota Long Thành, địa chỉ tại số 1797, Quốc lộ 51, ấp Xóm Gốc, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Trung tâm bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, công suất 15.000 ô tô/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Trung tâm bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, công suất 15.000 ô tô/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 1797, Quốc lộ 51, ấp Xóm Gốc, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công

ty Trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên trở lên, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 03 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19 tháng 10 năm 2020, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3603715885.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích khu đất dự án: 8.163,7m², gồm 01 nhà xưởng chính và các hạng mục công trình bảo vệ môi trường.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, công suất 15.000 ô tô/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Toyota Long Thành được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Toyota Long Thành có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.



2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 29 tháng 9 năm 2022 đến ngày 29 tháng 9 năm 2032).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Toyota Long Thành;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (3 bản chính);
- Ủy ban nhân dân xã Long An;
- Trang thông tin điện tử huyện Long Thành;
- Lưu VT-NN (PTN).



Trần Văn Thân



Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 8904 GPMT-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và khách vắng lại đến dự án bảo hành xe.
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động rửa xe và các chi tiết máy của khách hàng đến dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước dọc đường khai thác đá, chảy ra mương Quốc lộ 51, chảy ra mương nước hiện hữu tại khu vực, chảy ra rạch Bà Ký, chảy ra rạch Cầu Mít và nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thị Vải.

2.2. Vị trí xả nước thải: Hồ ga đầu nối vào mương thoát nước dọc đường khai thác đá, toạ độ (X: 1189069; Y: 414463).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 25 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường Quốc gia đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K= 1,2, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	06 tháng/lần
2	TSS	mg/L	120	
3	BOD ₅	mg/L	60	
4	Sunfua	mg/L	4,8	
5	Amoni	mg/L	12	
6	Nitrat	mg/L	60	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTN MT, cột B, K = 1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
7	Phosphat	mg/L	12	
8	Coliform	MNP/100mL	5.000	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	24	
10	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/L	12	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Đối với nước thải nhà ăn thu gom bằng đường ống D168 đến bể tách mỡ (2 ngăn) thể tích 7,5m³. Nước thải sau khi xử lý qua bể tách mỡ được thu gom bằng đường ống D168 vào hố ga thu gom nước thải tập trung.

- Đối với nước thải phân và nước tiểu được thu gom bằng đường ống D168 đến bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại được thu gom bằng đường ống D168 vào hố ga thu gom nước thải tập trung.

- Đối với nước thải từ các nguồn khác như: nước thải từ bồn rửa, nhà tắm sẽ qua lưới chắn rác và được thải trực tiếp vào hố ga thu gom nước thải bằng đường ống D168.

- Đối với nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe được thu gom bằng mương thoát nước B300 đến bể tách dầu (3 ngăn) thể tích 3m³. Nước thải sau khi xử lý qua bể tách dầu được thu gom bằng đường ống D168 vào hố ga thu gom nước thải tập trung.

Toàn bộ nước thải phát sinh bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn và nước thải rửa xe được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 25 m³/ ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Nước thải rửa xe → Bể tách dầu → Hố thu → Bể phản ứng → Bể lắng 1 → Bể vi sinh thiếu khí (bao gồm nước sinh hoạt đã qua bể tự hoại và nước thải nhà ăn đã qua Bể tách dầu mỡ) → Bể vi sinh hiếu khí → Bể lắng 2 → Bể trung gian → Cột lọc áp → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 25 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chất keo tụ tạo bông (Polymer, PAC), Clorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối

tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước, hệ thu gom nước thải: Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

- Thiết kế bể điều hòa có thể tích đủ chứa lượng nước thải phát sinh của cơ sở trong 8 giờ. Trong thời gian này có thể khắc phục các sự cố đơn giản và kịp thời.

- Phân công 1 nhân viên có chuyên môn để vận hành, kiểm tra hệ thống không chế ô nhiễm, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố sớm nhất.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý định kỳ.

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến mương dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải. Đường ống cấp thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Các máy móc, thiết bị đều có dự phòng để phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa như: máy bơm, máy thổi khí...

- Hướng dẫn và đảm bảo khả năng đảm nhận của người vận hành các công trình hệ thống xử lý nước thải.

- Trường hợp các máy móc, thiết bị hư hỏng hay mất điện đột xuất đã có các máy móc, thiết bị thay thế và máy phát điện dự phòng để đảm bảo hoạt động liên tục và ổn định của hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 25 m³/ ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án. Thực hiện xin ý kiến cơ quan quản lý hệ thống thoát nước dọc Quốc lộ 51 trước khi đầu nối nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của dự án.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 890.4./GPM-T-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 1: Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ quá trình sơn của 04 phòng sơn.

- Nguồn số 2: Bụi phát sinh từ quá trình mài lớp sơn cũ và rỉ sét.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải từ hệ thống xử lý khí thải 04 phòng sơn:

2.1.1 Vị trí xả khí thải: 04 ống thải, tọa độ vị trí các ống thải cụ thể như sau:

- Ống thải sau hệ thống xử lý khí của phòng sơn số 1: (X: 1189024, Y: 414435).

- Ống thải sau hệ thống xử lý khí của phòng sơn số 2: (X: 1189035, Y: 414437).

- Ống thải sau hệ thống xử lý khí của phòng sơn số 3: (X: 1189042, Y: 414439).

- Ống thải sau hệ thống xử lý khí của phòng sơn số 4: (X: 1189047, Y: 414441).

2.1.2 Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 20.000 m³/giờ/hệ thống.

2.1.2.1 Phương thức xả khí thải: Xả liên tục, thời gian xả thải 7 ngày/tuần.

2.2. Dòng khí thải phát sinh từ quá trình mài lớp sơn cũ và rỉ sét:

Lắp đặt hệ thống hút bụi để thu gom lượng bụi phát sinh khi mài. Hệ thống hút bụi trung tâm gồm tủ hút trung tâm (bên trong có sử dụng thiết bị lọc Filter nhựa để lọc bụi). Khi mài bụi được thu gom theo đường ống (D=29mm) về tủ trung tâm bên trong có thiết bị lọc bụi filter. Trong hệ thống Rupes, chuyển động quay, dưới tác dụng của trọng lực, bụi được tách khỏi dòng khí và rơi xuống thùng chứa bụi, không khí sạch thoát ra ngoài.

2.3 Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_v = 1, K_p = 0,9 và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Quy chuẩn so sánh	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	180	QCVN 19:2009/BTNMT Kv=1, Kp=0,9	6 tháng/lần
2	Toluen	mg/Nm ³	750	QCVN 20:2009/BTNMT	
3	Xylen	mg/Nm ³	870		
4	Benzen	mg/Nm ³	5		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 1: Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ quá trình sơn của 04 phòng sơn theo hệ thống quạt hút đi vào hệ thống xử lý khí thải.

- Nguồn số 2: Bụi phát sinh từ quá trình mài lớp sơn cũ và rỉ sét được thu gom, qua hệ thống hút bụi đến tủ hút trung tâm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nguồn số 1: Khí thải → Hấp thụ bằng tấm lưới lọc sợi thủy tinh → Ống dẫn → Quạt hút → Than hoạt tính → Môi trường.

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải phòng sơn: 20.000 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

+ Nguồn số 2: Bụi mài → Ống hút → Tủ hút trung tâm → Không khí sạch thoát ra ngoài. Bên trong tủ hút trung tâm có thiết bị lọc bụi filter.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 04 hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ quá trình sơn của 04 phòng sơn, công suất 20.000 m³/giờ/hệ thống.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải là 03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này.

3.2. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo bụi, khí thải phát sinh từ cơ sở được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường quy định.

3.3 Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động của dự án.



Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1314/GPMT-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông.
- Tiếng ồn từ hoạt động của máy phát điện và hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô...

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

Phân tán xung quanh khu vực triển khai dự án.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Tách riêng khu vực văn phòng, phòng chờ của khách hàng với khu vực bảo trì bảo dưỡng,...
- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn.
- Đặt máy phát điện trong phòng cách âm, trên đế cao su dày, trang bị các họng tiêu âm nhằm tiêu âm cho máy, hạn chế được tiếng ồn ào đối với môi trường xung quanh.
- Bố trí vành đai cây xanh bao quanh khuôn viên để giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm



nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.



Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 89011./GPMT-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	500	KS
2	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	Lỏng	05 01 02	600	KS
3	Bùn thải hoặc dung dịch ngâm chiết/tách rửa (eluate) có các thành phần nguy hại từ hệ thống màng hoặc hệ thống trao đổi ion	Bùn	07 01 08	1.000	KS
4	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	08 01 01	250	KS
5	Dung môi tẩy sơn	Lỏng	08 01 05	600	NH
6	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	10	KS
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng (sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải)	Rắn	12 01 04	100	NH
8	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn	15 01 02	650	NH

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
9	Các thiết bị, bộ phận đã qua sử dụng có khả năng nổ	Rắn	15 01 05	40	NH
10	Các thiết bị, bộ phận của phanh đã qua sử dụng có amiăng	Rắn	15 01 06	60	KS
11	Bóng đèn huỳnh quang và loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	40	NH
12	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	26.306	NH
13	Xăng dầu thải	Lỏng	17 06 02	100	NH
14	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Lỏng	17 08 03	210	NH
15	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	390	KS
16	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	200	NH
	Tổng cộng			31.056	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Nhóm kim loại không nhiễm các thành phần nguy hại (sắt, thép)	2.740
2	Giấy loại bỏ từ văn phòng, bìa catton	500
	Tổng cộng	3.240

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	18.000
	Tổng cộng	18.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 20 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Tường xây gạch, mái lợp tôn nền bê tông.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa

2.2.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 13 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Tường xây gạch, mái lợp tôn nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: sử dụng thùng nhựa có nắp đậy tại khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc, nhà bảo vệ,...

2.3.2. Kho lưu chứa trong nhà: sử dụng chung kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường 13 m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật

liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này.



Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~8.2019~~/GPMT-UBND ngày ~~29~~ tháng ~~9~~ năm
2022 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

1. Vận hành thương xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của dự án.
2. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.
3. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật có liên quan.
4. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và đảm bảo tỷ lệ theo quy định.
5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, an toàn hóa chất, tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.
8. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.
9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.
10. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.